

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Ông Bùi Dân An.

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Minh D, sinh năm 1978; địa chỉ: số nhà 7/1, Tổ 6, ấp Trường P, xã T, thị xã H, tỉnh T (có mặt).

* *Bị đơn:* anh Huỳnh Nhật T, sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà 7/1, Tổ 6, ấp Trường P, xã T, thị xã H, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh D trình bày:

Chị và anh Huỳnh Nhật T chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh T. Sau khi sống chung hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T cờ bạc, đá gà gây đổ nợ nhiều lần, chị đã khuyên can nhưng anh không nghe. Anh T ham mê ăn chơi nên không chăm lo cho vợ con, bỏ mặc con cho chị chăm lo, thường xuyên mâu thuẫn,

gây gổ dẫn đến hai vợ chồng không còn tình cảm, chị không còn tình cảm với anh nữa. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 5-2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai người con chung tên Huỳnh Quốc Huy, sinh năm 2003 và Huỳnh Khắc D, sinh năm 2004, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Nhật T trình bày:*

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế nên thỉnh thoảng vợ chồng có gây gổ. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: anh chị có hai con chung là Huỳnh Quốc Huy, sinh năm 2003 và Huỳnh Khắc D, sinh năm 2004, các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh T. Về con chung đã thành niên nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Minh D thì thấy rằng: Chị Trần Thị Minh D và anh Huỳnh Nhật T chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông, thị xã H, tỉnh T nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. chị D và anh T đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Anh T có chơi cờ bạc, gây nợ nần và không chăm

lo cho cuộc sống chung của gia đình. Chị D đã cho nhiều cơ hội nhưng anh T không sửa đổi. chị D không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn, anh T thì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên từ ngày thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho anh chị cơ hội hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh T không có động thái thể hiện có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Anh chị vẫn sống ly thân từ tháng 5-2023 cho đến nay.

Tại phiên tòa anh T thừa nhận có tình thoảng ăn nhậu với bạn bè, có nhắn tin qua lại với một số người phụ nữ trên mạng xã hội tuy nhiên anh vẫn không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị D và muốn giữ gia đình có đầy đủ cha mẹ cho các con. Chị D nhất quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh T, cuộc sống của gia đình chị lâu nay chưa đỡ vỡ là do chị cố gắng chịu đựng vì các con. Nay các con đã trưởng thành và hiểu được nỗi khổ của mẹ nên chị muốn chấm dứt hôn nhân đối với anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: chị D và anh T có 02 con chung là các cháu Huỳnh Quốc H, sinh năm 2003 và Huỳnh Khắc D, sinh năm 2004. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Minh D với anh Huỳnh Nhật T.

2. Về con chung: hai con chung là các cháu Huỳnh Quốc H, sinh năm 2003 và Huỳnh Khắc D, sinh năm 2004 đã thành niên, chị D anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị D, anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Minh D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0011274 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị D đã thi hành xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Ly